TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19/12/2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Duy Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Thu.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 381/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/11/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Trung H, sinh năm 1975; nơi thường trú: Số 054, Tổ 5, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Số 53, Ấp 5, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Chí T, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 054, Tổ 5, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Trung H trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị Trung H và ông Đỗ Chí T có thời gian tìm hiểu nhau được khoảng 09 năm thì tiến tới hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 85/2003, Quyển số 01, ngày 24/6/2003. Thời

gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2006 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra, do ông T có tính gia trưởng lại thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, không quan tâm chăm lo cho gia đình, con cái và nhiều lần đánh đập bà H. Do đó, vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Trần Thị Trung H yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Chí T.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Trần Bảo Tr, sinh ngày 25/6/2003 và Đỗ Chí Đ, sinh ngày 12/8/2005. Khi ly hôn bà Trần Thị Trung H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

+ *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Bà H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Trung H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đỗ Chí T không đến Toà án tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Trung H, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Trung H được ly hôn với ông Đỗ Chí T.

+ Về con chung: Do bà Trần Thị Trung H hiện đang nuôi dưỡng các con chung tên Đỗ Trần Bảo Tr và Đỗ Chí Đ; nguyện vọng của các con là được sống cùng với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thị Trung H được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Vấn đề tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã T và nguyên đơn đề nghị TAND thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Đỗ Chí T đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Đỗ Chí T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Trung H và ông Đỗ Chí T là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 85/2003, Quyển số 01, ngày 24/6/2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông T tính tình gia trưởng và thường xuyên uống rượu, không quan tâm, chăm sóc gia đình, con cái. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng vẫn không thể hòa hợp, hiện tại vợ chồng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Bị đơn ông Đỗ Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là thể hiện thái độ coi thường pháp luật và không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hiện nay bà H và ông T đã sống ly thân. Theo quy định tại Điều 17 và 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "*Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*". Đối chiếu với quy định nêu trên thì việc chung sống giữa bà Trần Thị Trung H và ông Đỗ Chí T không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Trần Bảo Tr, sinh ngày 25/6/2003 và Đỗ Chí Đ, sinh ngày 12/8/2005. Khi ly hôn, bà Trần Thị Trung H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Các con tên Đỗ Trần Bảo Tr và Đỗ Chí Đ đều có nguyện vọng xin được sống với bà H. Xét thấy ý kiến của nguyên đơn phù

hợp với nguyện vọng của các con chung đủ 07 tuổi trở lên, phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung tên Đỗ Trần Bảo Tr và Đỗ Chí Đ cho bà Trần Thị Trung H được trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Trần Thị Trung H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Trung Hiếu về việc: Ly hôn và tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Đỗ Chí Thành.

2. Bà Trần Thị Trung H được ly hôn với ông Đỗ Chí T.

3. Về con chung: Giao 02 con chung tên Đỗ Trần Bảo Tr, sinh ngày 25/6/2003 và Đỗ Chí Đ, sinh ngày 12/8/2005 cho bà Trần Thị Trung H được trực tiếp nuôi dưỡng.

4. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Trần Thị Trung H và ông Đỗ Chí T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

5. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Trung H phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013288 ngày 25/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, bà Trần Thị Trung H không phải nộp thêm.

7. Về quyền kháng cáo:

7.1. Bà Trần Thị Trung H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7.2. Ông Đỗ Chí T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hiền